

Bản án số: 391/2024/HC-PT

Ngày: 14 - 5 - 2024

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai
về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
khi Nhà nước thu hồi đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 104/2024/TLPT-HC ngày 23 tháng 02 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 2142/2023/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 974/2024/QĐPT-HC ngày 25 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị L (vắng mặt)

Địa chỉ: C Đường số E, khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L: Ông Hồ Văn Đ, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: C Đường số E, khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Văn L1 – Công ty L3 – G, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt)

Địa chỉ: tầng B, F N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Người bị kiện:*

1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

2/ Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: A T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố T:

- Ông Trần Văn L2 – Phó Trưởng Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng thành phố T (vắng mặt);

- Ông Ngô Văn V – Phó Trưởng phòng Tiếp công dân, tuyên truyền, vận động và giải quyết khiếu nại, tố cáo Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng thành phố T (xin vắng mặt);

- Ông Bành K – Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T (có mặt);

- Ông Dương Thành N – Công chức địa chính – Xây dựng – Đô thị và môi trường phường L, thành phố T (xin vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là bà Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Người khởi kiện bà Nguyễn Thị L có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Văn T trình bày:*

Phần đất gia đình bà L đang sử dụng có diện tích là 1.400,1 m² thuộc một phần thửa số 3,9, 10 và 11, tờ bản đồ số 66 (theo tài liệu chỉnh lý ảnh năm 1990) đồng thời cũng chính là phần thửa số 3 (3.1, 3.2) thuộc tờ bản đồ số 66-Bộ địa chính, tọa lạc tại khu phố B, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo tài liệu đo đạc năm 2004); đất này có nguồn gốc đất gò đồi hoang nằm liền kề với thửa đất của cha mẹ bà L sử dụng. Vợ chồng bà L được cha mẹ cho khu đất cất nhà ở từ năm 1963 và khai hoang khai phá, cải tạo khu đất phía sau để trồng khoai và hoa màu để ăn và bán. Sau ngày 30/04/1975 gia đình bà L tiếp tục sử dụng canh tác trồng trọt và chăn nuôi, năm 1990 ông Hồ Văn Đ là con trai bà L tiếp tục sử dụng chăn nuôi heo, gà. Trong quá trình sử dụng, gia đình có trồng nhiều cây lâu năm như dâu, me...nay thuộc hàng cổ thụ và nhiều loại cây ăn trái khác. Trên đất còn có căn nhà cấp 4 với diện tích 30m²; dãy chuồng heo có diện tích 180m²; một chuồng gà diện tích 48m² do gia đình tự xây cất.

Trong thời gian sử dụng đất trên vì nhà nghèo khó nên gia đình bà L chưa đóng thuế hàng năm cho địa phương. Đến năm 1999, thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo nên Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) phường L đã cho hộ ông Hồ Văn Đ vay 10.000.000 đồng để tiếp tục nuôi heo tăng thu nhập xóa đói nghèo. Từ khi sử dụng đến nay, đất không có ai tranh chấp hay bị cơ quan Nhà nước, chính quyền địa phương nhắc nhở, xử lý gì.

Đến khoảng năm 2009, UBND quận T có đến đo chuồng heo, đếm cây; tháng 08/2015 UBND phường L mời bà L ra họp thông báo thu hồi đất.

Ngày 12/10/2015, gia đình bà L nhận được Quyết định số 5600/QĐ-UBND của UBND quận T ban hành ngày 08/10/2015 về chi trả tiền bồi thường cây trồng, hoa màu. Theo Quyết định này, UBND quận T chỉ bồi thường 56.702.400 đồng mà không bồi thường tiền đất bị thu hồi, tiền nhà, vật kiến trúc, công trình phụ và rất nhiều cây lâu năm trên đất hiện hữu bị thu hồi.

Tiếp sau đó, UBND quận T ban hành hàng loạt văn bản buộc gia đình bà L giao đất và không giải quyết chính sách bồi thường hỗ trợ, gia đình bà L tiếp tục khiếu nại và nhận được Quyết định số 2234/QĐ-KPHQ ngày 04/05/2016 của UBND quận T về việc “áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả” buộc phải giao mặt bằng cho quận.

Ngày 15/06/2016, Chủ tịch UBND quận T tiếp tục ban hành Quyết định số 3208/QĐ-CC về việc cưỡng chế thi hành quyết định số 2234/QĐ-KPHQ do vi phạm hành chính và buộc giao mặt bằng cho quận.

Họ đập phá một số chuồng heo và buộc gia đình bà L không được tiếp tục nuôi heo, hoàn cảnh nghèo khổ càng khó khăn hơn; nợ chồng chất nợ vì tiền mua thức ăn hơn 40 triệu, đàn heo giống, heo thịt bị loại bỏ; bà L thì tuổi càng già nhiều ốm đau bệnh tật; Trong khi các hộ lân cận sử dụng đất khai hoang khai hóa, cải tạo đều được đền bù tiền sử dụng đất như:

1/ Ông Võ Thành P sinh năm 1965

2/ Bà Nguyễn Thị Thanh V1 sinh năm 1967

Địa chỉ: A tổ E, đường L, phường L, quận T

UBND quận T cho rằng khu đất 1.390,8m² (thuộc một phần thửa đất số 3,910 và 11, tờ bản đồ số 66 theo tài liệu năm 2004, phường L, quận T) thu hồi của bà Nguyễn Thị L trước năm 1975 là phần đất thuộc đồn điền cao su của bà Huỳnh Thị N1 đã định cư nước ngoài, nhưng khi Hội đồng xét xử tại phiên Tòa phúc thẩm yêu cầu cung cấp bản vẽ xác định tọa độ, vị trí xác định ranh đất trước đây của bà N1 thì UBND quận T không cung cấp được hồ sơ, tài liệu để chứng minh; cho nên trước đó UBND quận T ban hành nhiều quyết định, nhiều văn bản chồng chéo và họ thừa nhận ngay từ khi ban hành Quyết định đầu tiên là Quyết định số 5600/QĐ-UBND có nội dung sai qui định pháp luật, chưa sát thực tiễn.

Nguồn gốc đất này gia đình bà L đã khai hoang canh tác từ năm 1963 và sử dụng liên tục từ đó đến nay, vì nghèo khó chưa đóng thuế để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà đã bị thu hồi đất.

Cụ thể tại khoản 1, khoản 5 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 đã quy định rất rõ: “sử dụng đất ổn định, lâu dài, trực canh...”

Hoặc: tại khoản 2, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các giấy tờ quy định tại điều 100 của Luật này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai,...” sẽ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

Kết luận giám định gỗ số: 2912/2018/ĐK ngày 22/12/2018 của Trường Đại học N2 Khoa Nông nghiệp, nội dung kết luận: Một mẫu gỗ đường kính thót 60cm, tên Việt Nam: Dầu con rái, tên khoa học: *Dipterocarpus alatus*, số vòng năm: 26 vòng (26 tuổi); chứng minh bà L đã sử dụng đất này từ rất lâu và cây đem giám định được trồng đã 26 năm không được Bản án hành chính sơ thẩm số: 424/HC-ST ngày 25/04/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh công nhận.

Yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết:

1. Hủy một phần Quyết định số 5600/QĐ-UBND ngày 08/10/2015 của UBND quận T có nội dung: “Không bồi thường, hỗ trợ về đất, không bồi thường hỗ trợ nhà, vật kiến trúc, công trình phụ (CTP)”. (viết tắt Quyết định số 5600/QĐ-UBND ngày 08/10/2015)
2. Hủy Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của UBND quận T. (viết tắt Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 18/01/2016)
- 3.. Hủy Quyết định số 4284/QĐ-UBND ngày 25/07/2016 của UBND quận T. (viết tắt Quyết định số 4284/QĐ-UBND ngày 25/07/2016)
4. Buộc UBND quận T phải bồi thường đất và nhà, vật kiến trúc trên đất cho bà Nguyễn Thị L.

**Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Người bị kiện đại diện trình bày:*

Thực hiện Quyết định số 5448/QĐ-UBND ngày 08/12/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc thu hồi 03 mặt bằng do Tổng Công ty D giao Trung tâm phát triển quỹ đất thuộc Sở T1 quản lý sử dụng vào nhu cầu của Thành phố; Quyết định 3762/QĐ-UBND ngày 07/8/2009 của UBND Thành phố; Quyết định số 3023/QĐ-UBND ngày 09/6/2012 của UBND Thành phố về sửa đổi diện tích thu hồi tại Điều 1 của Quyết định số 3762/QĐ-UBND ngày 07/8/2009 của UBND thành phố về thu hồi 02 mặt bằng của Tổng Công ty D Một thành viên và giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất thuộc Sở T1 quản lý.

Ngày 05/02/2010, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận T phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất, UBND phường L kiểm kê hiện trạng các

trường hợp sử dụng đất thuộc phạm vi đất thu hồi theo các quyết định nêu trên, trong đó có trường hợp của bà Nguyễn Thị L.

Ngày 12/10/2010, UBND phường L giấy xác nhận số 06/GXN-UBND xác nhận về nguồn gốc quá trình sử dụng nhà, đất thời điểm xây dựng, tạo lập nhà và công trình của bà Nguyễn Thị L như sau:

Về đất:

- Trước ngày 30/4/1975 là đồn điền cao su của bà Huỳnh Thị N1
- Sau ngày 30/4/1975: Nhà nước tiếp quản giao cho Sở Công nghiệp, đến năm 1990 bàn giao cho UBND huyện T, UBND huyện T giao cho Công ty L4 quản lý. Sau ngày 22/4/2002 đến trước ngày 01/7/2004, ông Hồ Văn X – bà Nguyễn Thị L tự chiếm một phần diện tích đất sử dụng đến nay gồm: Chuồng heo 1 diện tích 131,1m², chuồng heo 2 diện tích 11,56m² và sân xi măng diện tích 45,9m².

Về nhà:

- Chuồng heo 1 xây dựng trong khoảng thời gian từ sau ngày 22/4/2002 đến trước ngày 01/7/2004 diện tích 80,6m², sử dụng sau ngày 01/7/2004 có nới rộng thêm chuồng heo diện tích như hiện nay.
- Sân xi măng có sau ngày 22/4/2002 đến trước ngày 01/7/2004.
- Chuồng heo 2 xây dựng sau ngày 01/7/2004.

Đối với diện tích đất 1.390,8m² và vật kiến trúc (chuồng heo, sân xi măng) của bà Nguyễn Thị L sử dụng tại thời điểm thu hồi mặt bằng theo Quyết định số 5448/QĐ-UBND ngày 08/12/2007 của UBND Thành phố H. Đối chiếu quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 4 của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của UBND Thành phố H, quy định các trường hợp thu hồi đất mà không được bồi thường:

c) Đất bị thu hồi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 12 Điều 38 Luật Đất đai 2003;

Và tại Khoản 4, Điều 16 của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của UBND Thành phố H quy định về xử lý một số trường hợp không đủ điều kiện bồi thường về đất:

4. Trường hợp sử dụng từ ngày 22 tháng 4 năm 2002 trở về sau không tính hỗ trợ về đất. Kể cả đất do lấn, chiếm và đất được giao, được cho thuê không đúng thẩm quyền kể từ ngày 22 tháng 4 năm 2002 trở về sau thì người có hành vi lấn, chiếm hoặc được giao đất, thuê đất không đúng thẩm quyền không được bồi thường, hỗ trợ về đất khi thu hồi đất.

Căn cứ quy định nêu trên, phần đất diện tích 1.390,8m² bà Nguyễn Thị L lấn chiếm sử dụng không được bồi thường, hỗ trợ.

Đối với cây trồng, hoa màu: Tại Điểm đ, khoản 2, Điều 3 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của UBND Thành phố H quy định *đối với tài sản là cây trồng, hoa màu, vật nuôi khi bị thu hồi đất mà bị thiệt hại thì được bồi thường.*

Trên cơ sở đó ngày 08/10/2015, UBND quận T ban hành Quyết định số 5600/QĐ-UBND về việc chi trả tiền bồi thường cây trồng, hoa màu cho bà Nguyễn Thị L với số tiền 56.702.400 đồng (Năm mươi sáu triệu bảy trăm lẻ hai nghìn bốn trăm đồng).

Ngày 21/12/2015, UBND phường L có Báo cáo số 412/UBND báo cáo nguồn gốc, quá trình tạo lập nhà đất của hộ bà Nguyễn Thị L như sau:

Về đất:

- Trước ngày 30/4/1975 là đồn điền cao su của bà Huỳnh Thị N1
- Sau ngày 30/4/1975: Nhà nước tiếp quản giao cho Sở Công nghiệp khai thác mỏ cao su sử dụng. Đến năm 1990 bàn giao cho UBND huyện T, UBND huyện T giao cho Công ty L4 quản lý. Đến sau ngày 15/10/1993 trước ngày 01/7/2004, ông Hồ Văn X – bà Nguyễn Thị L tự chiếm một phần diện tích đất sử dụng đến nay.

Về nhà:

- Chuồng heo 1 xây dựng trong khoảng thời gian từ năm 1999 đến trước ngày 01/7/2004 diện tích 80,6m², sử dụng đến sau ngày 01/7/2004 có nói rộng thêm chuồng heo diện tích như hiện nay.
- Chuồng heo 2 + sân xi măng: Xây dựng sau ngày 01/7/2004.

Các nội dung khác giữ nguyên như Giấy xác nhận số 06/GXN-UBND ngày 12/10/2010 của UBND phường L.

UBND quận T nhận thấy khu đất bà Nguyễn Thị L sử dụng thuộc phạm vi thu hồi mặt bằng theo Quyết định số 5448/QĐ-UBND ngày 08/12/2007 của UBND Thành phố H và được UBND huyện T giao cho Công ty L4 quản lý, sử dụng (nay là Công ty TNHH MTV L4) tại Quyết định số 221A/QĐ-UB ngày 24/4/1990.

Đồng thời qua đối chiếu với quy định Luật Đất đai 2013:

Tại Khoản 3 Điều 82 Luật đất đai 2013: *Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất trong các trường hợp sau đây:*

3. Đất thu hồi trong các trường hợp quy định tại Điều 64 và các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 của Luật này;

Tại Điều 64 Luật đất đai 2013: *Thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai bao gồm:*

đ) Đất được Nhà nước giao để quản lý mà để bị lấn, chiếm;)

Và Khoản 1 Điều 92 Luật đất đai 2013: *Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất*

1. Tài sản gắn liền với đất thuộc một trong các trường hợp thu hồi đất quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, i khoản 1 Điều 64 và điểm b, d khoản 1 Điều 65 của Luật này.

Và Khoản 2 Điều 6 của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 của UBND Thành phố H, quy định: *Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất trong các trường hợp sau đây:*

2. Đất được Nhà nước giao để quản lý;

Ngoài ra, theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 21 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 của UBND Thành phố, có nêu: *Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang theo quy định tại Khoản 4 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì được hỗ trợ về đất...* Do trường hợp của bà Nguyễn Thị L tự ý chiếm dụng đất từ sau ngày 15/10/1993 nên bà không được bồi thường, hỗ trợ đất và tài sản trên đất.

UBND quận T nhận thấy việc ban hành Quyết định số 5600/QĐ-UBND ngày 08/10/2015 là chưa đúng quy định Luật Đất đai năm 2013, nên ngày 18/01/2016, UBND quận T đã ban hành Quyết định số 190/QĐ-UBND hủy, bỏ Quyết định số 5600/QĐ-UBND ngày 08/10/2015 của UBND quận T.

Đồng thời qua rà soát Báo cáo số 412/UBND ngày 21/12/2015 của UBND phường L và Tổng Công Dịch vụ S cung cấp Văn bản số 221/TC.T.ĐT ngày 03/3/2011 xác định rõ phần đất do bà Nguyễn Thị L lấn chiếm sử dụng thuộc Công ty TNHH MTV L4 quản lý theo Quyết định số 221A/QĐ-UB ngày 24/4/1990 của UBND huyện T, bà Nguyễn Thị L tự ý chiếm dụng từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004.

Ngày 25/7/2016, UBND quận T ban hành Quyết định số 4284/QĐ-UBND về việc điều chỉnh một phần Điều 1 Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của UBND quận T về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 5600/QĐ-UBND ngày 08/10/2015 của UBND quận T về việc chi trả tiền bồi thường cây trồng, hoa màu cho bà Nguyễn Thị L, địa chỉ thường trú C đường E, khu phố B, phường L, quận T.

Từ thực tế nêu trên và căn cứ vào những tài liệu hiện có trong hồ sơ, người bị kiện không bồi thường, hỗ trợ về đất; không bồi thường tài sản trên đất là đúng với quy định của Luật đất đai năm 2013 và các văn bản quy phạm hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2013.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T không có ý kiến trình bày.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 2142/2023/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Văn T về việc yêu cầu Tòa án:

1/Hủy các quyết định hành chính sau đây của Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh:

- Một phần Quyết định số 5600/QĐ-UBND ngày 08/10/2015 về việc chi trả tiền bồi thường cây trồng, hoa màu cho bà Nguyễn Thị L, địa chỉ thường trú: 39, đường E, khu phố B, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 5600/QĐ-UBND ngày 08/10/2015 của Ủy ban nhân dân quận T về việc chi trả tiền bồi thường cây trồng, hoa màu cho bà Nguyễn Thị L, địa chỉ thường trú C đường E, khu phố B, phường L, quận T;

- Quyết định số 4284/QĐ-UBND ngày 25/7/2016 về việc điều chỉnh một phần Điều 1 Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của Ủy ban nhân dân quận T về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 5600/QĐ-UBND ngày 08/10/2015 của Ủy ban nhân dân quận T về việc chi trả tiền bồi thường cây trồng, hoa màu cho bà Nguyễn Thị L, địa chỉ thường trú: 39, đường E, khu phố B, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

2/Buộc Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) phải bồi thường đất và nhà, vật kiến trúc trên đất cho bà Nguyễn Thị L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/10/2023 người khởi kiện bà Nguyễn Thị L kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện là bà Nguyễn Thị L (có ông Hồ Văn Đ đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện vì phần đất liên quan đến khiếu kiện do bà L sử dụng từ trước ngày 15/10/1993, sử dụng ổn định, lâu dài, không ai tranh chấp nên đủ điều kiện bồi thường.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là Luật sư Nguyễn Văn L1 phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà L vì bà L đã sử dụng đất từ trước ngày 15/10/1993, được người làm chứng là các hộ dân xung quanh xác nhận. quá trình sử dụng đất bà L có trồng cây lâu năm, kết quả giám định tuổi cây thể hiện các cây cổ thụ do bà L trồng có tuổi từ 32-33 năm. Ngoài ra, bà L sử dụng đất không bị xử phạt vi phạm hành chính, bà L cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất liền kề. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ bản đồ hiện trạng vị trí và báo cáo của Tổng công ty D cho rằng đất do bà L chiếm dụng sau ngày 15/10/1993 là không đúng, không khách quan vì các tài liệu này do người bị kiện cung cấp, chưa được đối chiếu, không phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Bành K phát biểu ý kiến không đồng ý với kháng cáo của người khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm do nguồn gốc đất bà L bị thu hồi là đất do nhà nước quản lý, bị bà L lấn chiếm sau ngày 15/10/1993 nên không đủ điều kiện bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ các quy định của pháp luật Tố tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án triệu tập hợp lệ, người bị kiện vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt đương sự này.

[2] Phần đất 1.390,8m² (thuộc một phần các thửa đất số 3,9,10 và 11, tờ bản đồ số 66 – theo tài liệu năm 2004, phường L, quận T) bà L đang yêu cầu được bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất thuộc diện tích đất 3.460,7m²

thuộc một phần thửa 3, 9, 10, 11, 25, 26 và một phần đường, thuộc tờ bản đồ số 66, có hiện trạng như sau:

- Theo Bản đồ hiện trạng vị trí (Bổ túc hồ sơ xin quy hoạch xây dựng) được lập ngày 12/4/1999, số hợp đồng 00801/ĐĐBĐ của Đoàn đo đạc bản đồ thuộc Sở Địa chính - Nhà đất Thành phố H theo yêu cầu của Công ty L4 (quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) khu đất có diện tích 3.488m², thuộc một phần thửa 47, 49, 50 và một phần đường, Tờ bản đồ thứ 1, Bộ địa chính xã L, huyện T (Theo tài liệu 299/TTg), nay thuộc phường L, quận T. Hiện trạng rừng cao su. Bản đồ không thể hiện công trình xây dựng, vườn cây ăn trái. Hiện trạng tỉ lệ 1/500.

- Tại trang 3 Báo cáo số 453/BC-TTr ngày 11/7/2002 “V/v giải quyết đơn khiếu nại của bà Huỳnh Thị N1 ngụ tại G K phường T quận T” của Thanh tra Thành phố H có xác định:

“Phần diện tích 27.233m² (thuộc bằng khoán 17, 18, 19, 21, 23, 24, nay thuộc thửa 47, 49, 50 tờ 1 xã L):

Phần diện tích 3.488m²/20.606m², Công ty L4 đang bàn với chính quyền địa phương quy hoạch xây dựng nhà cho CBCNV. Hiện trạng bao gồm đất trống, 01 Văn phòng làm việc của ấp 2, mồ mả (bút lục 15)”.

- Theo bản đồ hiện trạng vị trí số 13/HĐ-ĐĐBĐ (để lập thủ tục thu hồi đất) do Trung tâm T2 bản đồ thuộc Hội Trắc địa bản đồ Thành phố H lập ngày 5/5/2009), khu đất 1.390,8m² thuộc diện tích 3.460,7m² thuộc một phần thửa 3, 9, 10, 11, 25, 26 và một phần đường, thuộc tờ bản đồ số 66. Hiện trạng khu đất 3.460,7m² có vườn mít, nhà, nghĩa địa.

- Bản đồ hiện trạng vị trí (Bổ túc hồ sơ đền bù và giải tỏa thu hồi đất) ngày 12/9/2010 do Trung tâm T2 bản đồ thuộc Hội Trắc địa bản đồ Thành phố H lập ngày 22/9/2010, đối với hộ ông Hồ Văn X, khu đất 1.390,8m² thuộc khu đất có diện tích: 3.460,7m², phần đất của ông hộ ông X sử dụng có diện tích 1.390,8m², hiện trạng có nhà mái tôn, vườn mít.

- Báo cáo số 412/UBND ngày 21/12/2015 của UBND phường L và Tổng Công Dịch vụ S cung cấp Văn bản số 221/TCT.ĐT ngày 03/3/2011 xác định rõ phần đất do bà Nguyễn Thị L lấn chiếm sử dụng thuộc Công ty TNHH MTV L4 quản lý theo Quyết định số 221A/QĐ-UB ngày 24/4/1990 của UBND huyện T, bà Nguyễn Thị L tự ý chiếm dụng từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004.

[3] Theo các tài liệu, chứng cứ trên và Báo cáo số 453/BC-TTr ngày 11/7/2002 “V/v giải quyết đơn khiếu nại của bà Huỳnh Thị N1 ngụ tại G K phường T quận T” của Thanh tra Thành phố H, có cơ sở xác định diện tích đất 3.460,7m² thuộc một phần thửa 3, 9, 10, 11, 25, 26 và một phần đường, thuộc tờ bản đồ số 66 đã được Nhà nước trực tiếp quản lý từ năm 1990. Gia đình bà L,

ông X sử dụng phần diện tích đất 1.390,8m² trên sau khi có Báo cáo số 453/BC-TTr ngày 11/7/2002 của Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, gia đình bà L, ông X đã có hành vi chiếm đất do Nhà nước trực tiếp quản lý.

[4] Ngày 12/10/2010, UBND phường L Giấy xác nhận số 06/GXN-UBND xác nhận về nguồn gốc quá trình sử dụng nhà, đất thời điểm xây dựng, tạo lập nhà và công trình của bà Nguyễn Thị L.

Căn cứ quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 4 và khoản 4, Điều 16 của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của UBND Thành phố H. UBND quận T xác định phần đất diện tích 1.390,8m² bà Nguyễn Thị L lấn chiếm sử dụng không được bồi thường, hỗ trợ.

Đối với cây trồng, hoa màu: Được bồi thường theo quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 3 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của UBND Thành phố H.

Ngày 08/10/2015, UBND quận T ban hành Quyết định số 5600/QĐ-UBND về chi trả tiền bồi thường cây trồng, hoa màu, khen thưởng cho bà Nguyễn Thị L với số tiền 59.202.400đ, cụ thể: Không bồi thường, hỗ trợ về đất; Không bồi thường – hỗ trợ nhà – vật kiến trúc – công trình phụ; Cây trồng, hoa màu: 56.702.400 đồng; Khen thưởng (được chi trả sau khi bàn giao mặt bằng đúng thời hạn quy định): 2.500.000 đồng.

[5] Xét, ngày 03/3/2011, Tổng công ty D có văn bản số 221/TCTĐT trình bày khu đất này do Công ty TNHH MTV L4 quản lý theo Quyết định 221A/QĐ-UB của UBND huyện T, bà Nguyễn Thị L tự ý chiếm dụng. Bà L cho rằng đất do bà L khai hoang từ trước 15/10/1993 nhưng không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào chứng minh việc khai hoang, đăng ký sử dụng, nộp thuế theo qui định của Nhà nước nên không có căn cứ chấp nhận trình bày này của bà L.

Đối với Kết quả giám định gỗ số 166/2022/KĐ ngày 07/11/2022 của Trung tâm N3 – Trường Đại học Nông Lâm Thành phố H xác định tuổi cây dầu rái có từ 32-33 năm tuổi, bà L cho rằng số tuổi của cây xác định thời gian bà L tự khai hoang từ trước năm 1976 là không phù hợp. Vì không có căn cứ nào chứng minh bà L đã sử dụng đất và trồng cây dầu rái nên tài liệu này không được chấp nhận.

Từ những căn cứ trên, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy một phần Quyết định số 5600/QĐ-UBND ngày 08/10/2015 của UBND quận T có nội dung: “Không bồi thường, hỗ trợ về đất, không bồi thường hỗ trợ nhà, vật kiến trúc, công trình phụ (CTP)” của bà L là có căn cứ.

[6] Ngày 21/12/2015, UBND phường L có Báo cáo số 412/UBND báo cáo nguồn gốc, quá trình tạo lập nhà đất của hộ bà Nguyễn Thị L, xác định khu đất bà Nguyễn Thị L sử dụng thuộc phạm vi thu hồi mặt bằng theo Quyết định số 5448/QĐ-UBND ngày 08/12/2007 của UBND Thành phố H và được UBND huyện T giao cho Công ty L4 quản lý, sử dụng (nay là Công ty TNHH MTV L4) tại Quyết định số 221A/QĐ-UB ngày 24/4/1990. Bà L cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc khai hoang và sử dụng đất từ trước năm 15/10/1993.

Căn cứ khoản 3 Điều 82, khoản 1 Điều 92 Luật đất đai 2013; khoản 2 Điều 6 và điểm a khoản 2 Điều 21 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 của UBND Thành phố H, trường hợp của bà Nguyễn Thị L tự ý chiếm dụng đất từ sau 15/10/1993 nên bà không được bồi thường, hỗ trợ đất và tài sản trên đất.

[7] Xét Quyết định số 5600/QĐ-UBND ngày 08/10/2015 với nội dung chi trả tiền bồi thường cây trồng, hoa màu, khen thưởng cho bà Nguyễn Thị L với số tiền 59.202.400đ, cụ thể: Không bồi thường, hỗ trợ về đất; Không bồi thường – hỗ trợ nhà – vật kiến trúc – công trình phụ; Cây trồng, hoa màu: 56.702.400 đồng; Khen thưởng (được chi trả sau khi bàn giao mặt bằng đúng thời hạn quy định): 2.500.000 đồng là chưa đúng quy định Luật Đất đai năm 2013, nên ngày 18/01/2016, UBND quận T đã ban hành Quyết định số 190/QĐ-UBND hủy, bỏ Quyết định số 5600/QĐ-UBND ngày 08/10/2015 của UBND quận T là có căn cứ. Yêu cầu khởi kiện của bà L về việc hủy Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của UBND quận T là không có cơ sở chấp nhận.

[8] Bà L không chứng minh được đã quản lý sử dụng đất trước ngày 15/10/1993, sau khi UBND phường L, quận T xác định lại mốc thời gian bà L lần chiếm đất thì UBND quận T ban hành Quyết định số 4284/QĐ-UBND nhằm điều chỉnh một phần Quyết định số 190/QĐ-UBND cho đúng về thời gian bà L bắt đầu sử dụng đất là đúng quy định nên không có căn cứ hủy Quyết định 4284/QĐ-UBND theo yêu cầu của người khởi kiện.

[9] Do yêu cầu về hủy các quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ nói trên là không có cơ sở chấp nhận nên yêu cầu buộc UBND quận T phải bồi thường đất và nhà, vật kiến trúc trên đất cho bà Nguyễn Thị L cũng không có cơ sở chấp nhận.

[10] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh nên bác yêu cầu kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[11] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[12] Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1937 là người cao tuổi nên được miễn theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Áp dụng Luật Đất đai năm 2003; Luật Đất đai năm 2013; Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003; Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị L. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 2142/2023/HC-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Các đương sự (3);
- Lưu: hồ sơ vụ án (1), VP (5), 14b (PPC);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Nhựt Bình